CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xi măng La Hiên VVMI

Ngày 30/09/2025	22,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.6%	**10.2%**	**4.8%**

DT thuần
Q3/25
153
tỷ VNĐ
QoQ: ▼37.0| -19.4%
YoY: ▼2.00| -1.2%

LN thuần
Q3/25
5.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.8| -69.0%
YoY: ▼0.93| -14.8%

LN sau thuế
Q3/25
4.25
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.45| -69.0%
YoY: ▼0.79| -15.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
3.5%
YoY: +/-▼ 5.5%

ROE (TTM)
Q3/25
22.9%
YoY: +/-▼ 1.1%

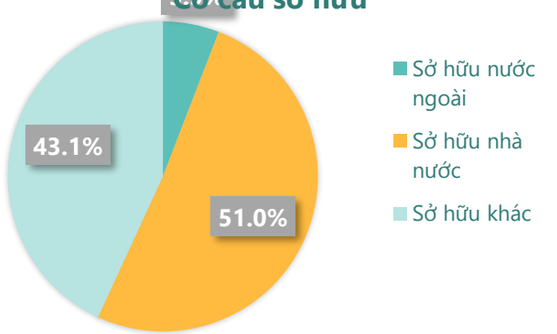
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	18,568 - 22,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	271
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,390
Sở hữu nước ngoài	5.9%
Beta	0.56
EPS	3,444
P/E	6.6

DT thuần
9T 2025
489
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 54.0| 12.4%

LN thuần
9T 2025
25.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.90| 18.0%

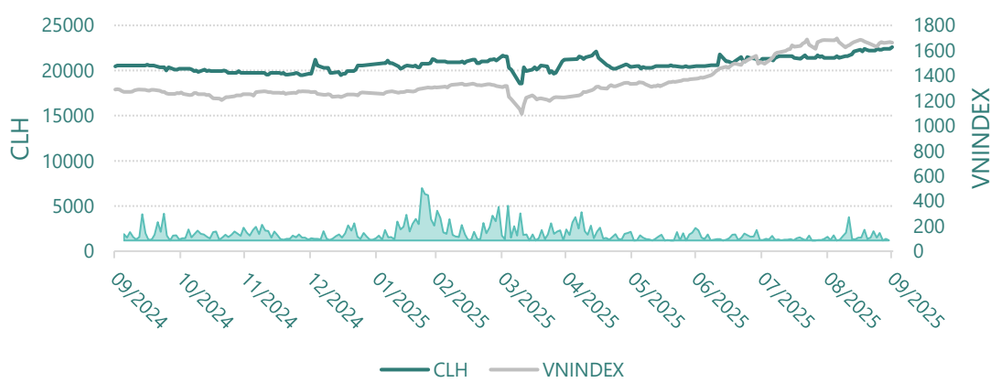
LN sau thuế
9T 2025
20.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.60| 15.2%

Cơ cấu sở hữu

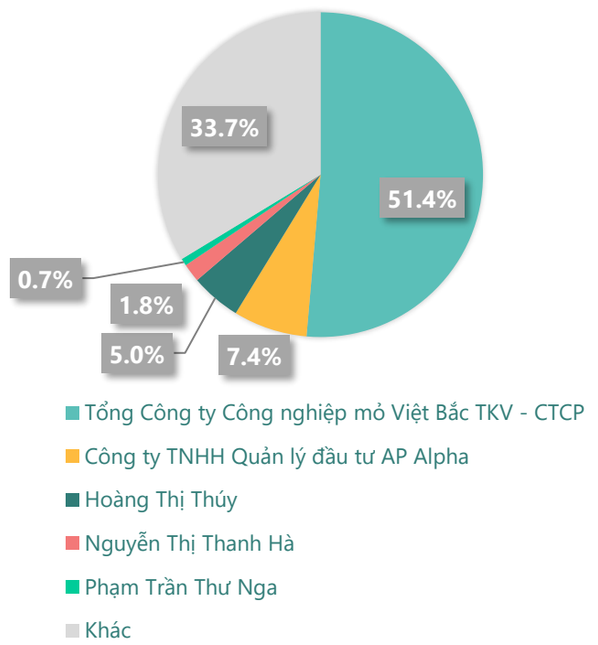


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



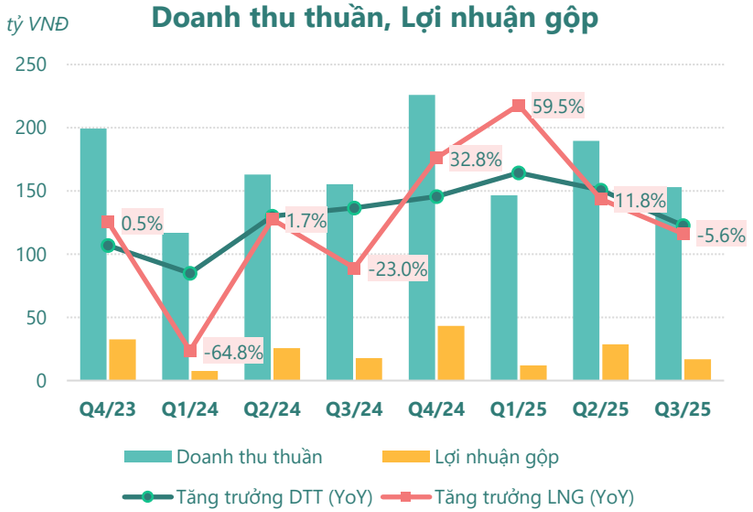
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

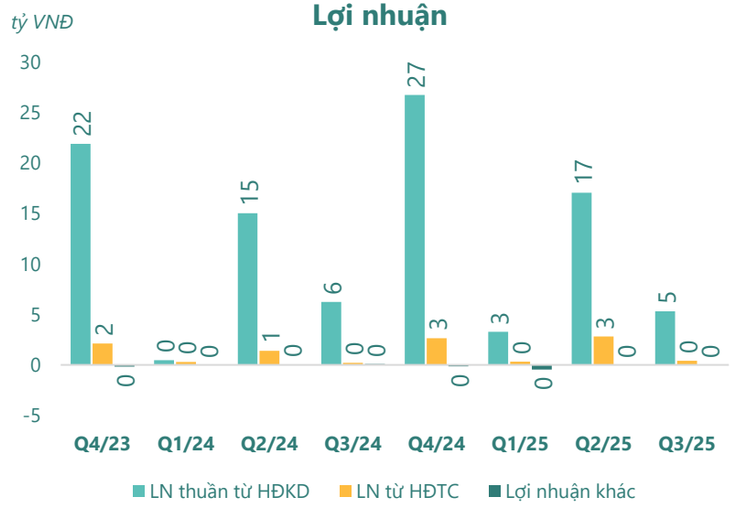
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



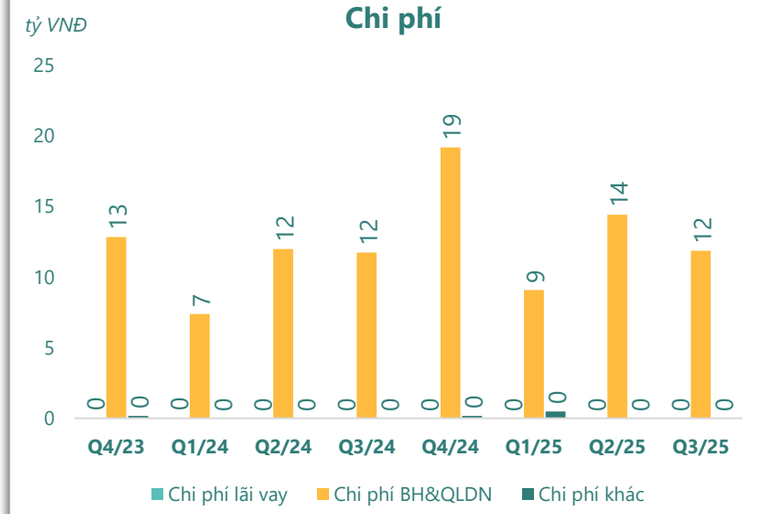
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



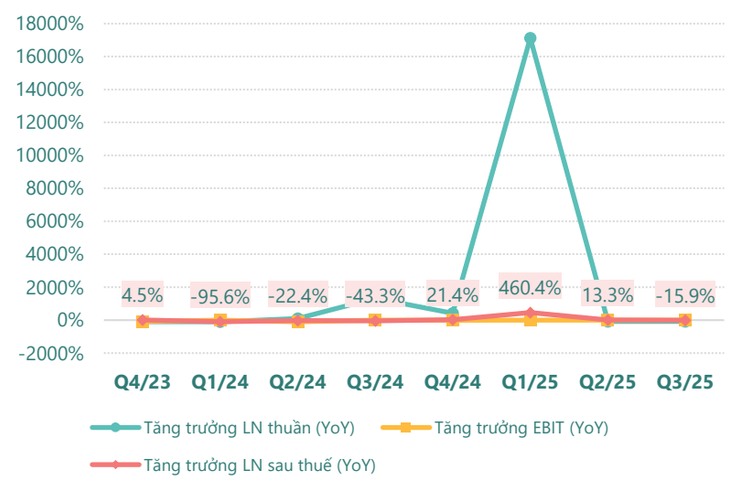
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



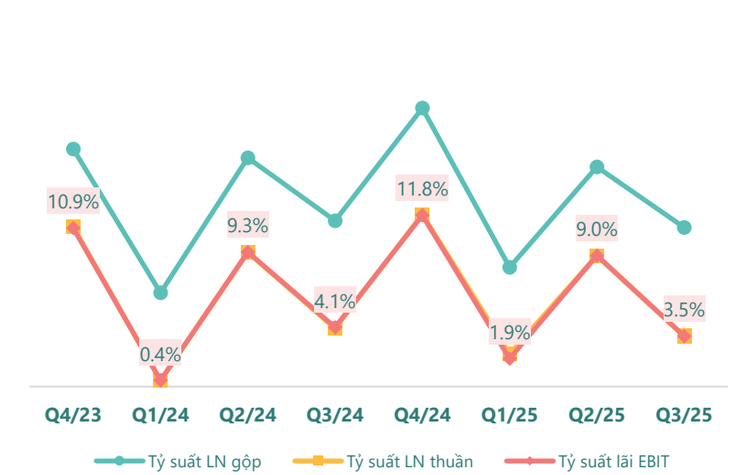
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



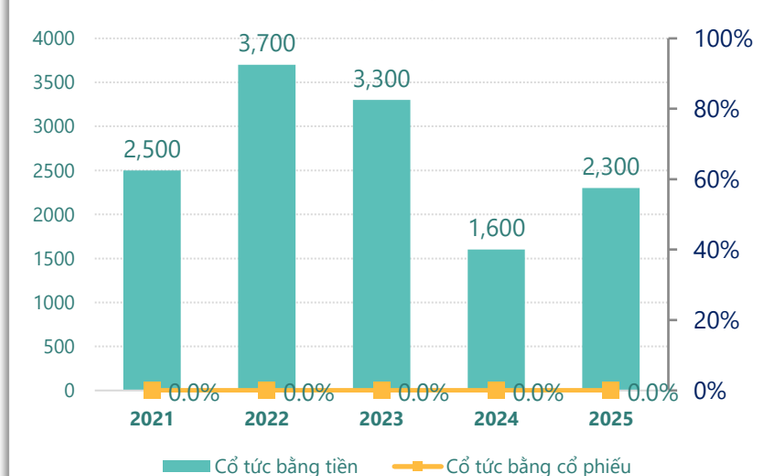
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

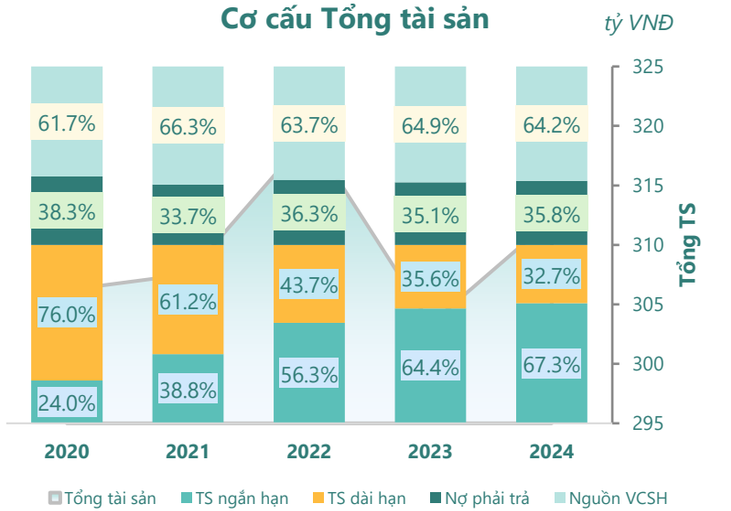
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

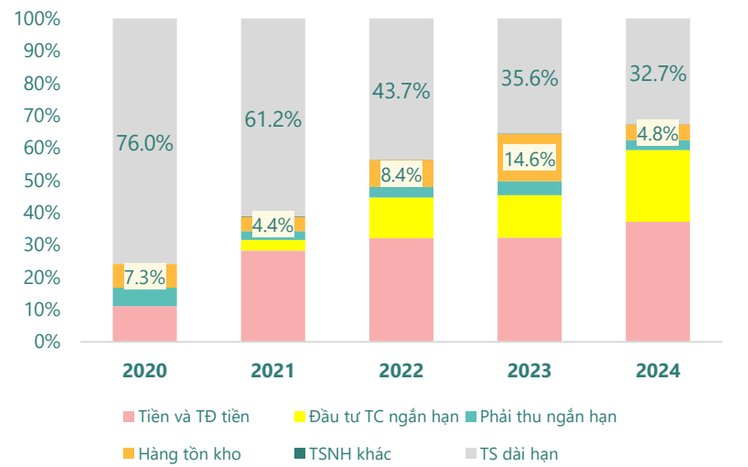
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



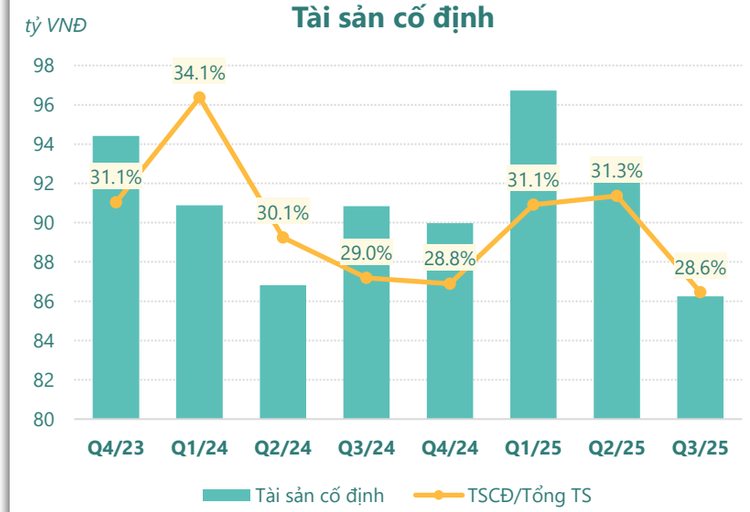
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



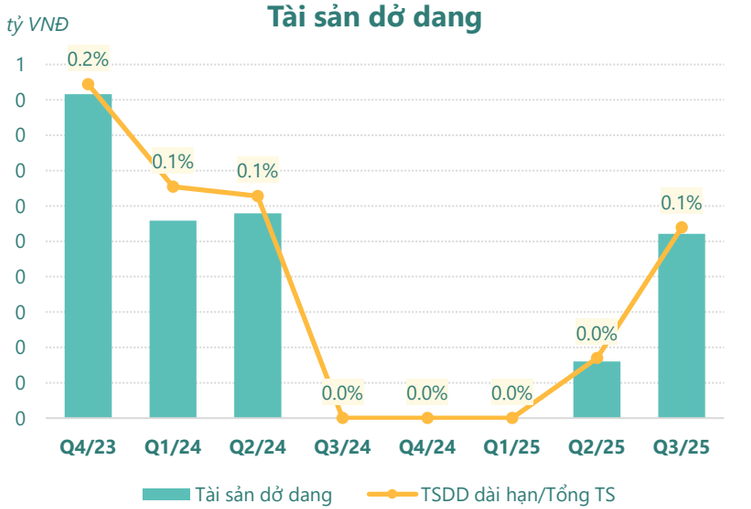
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



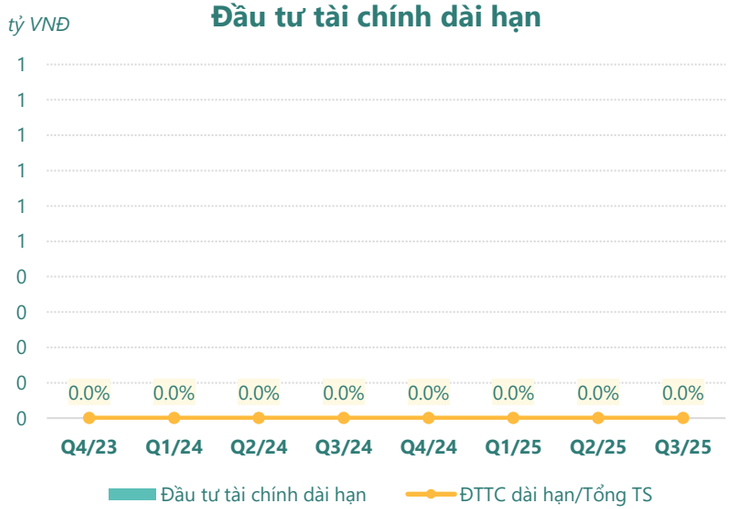
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



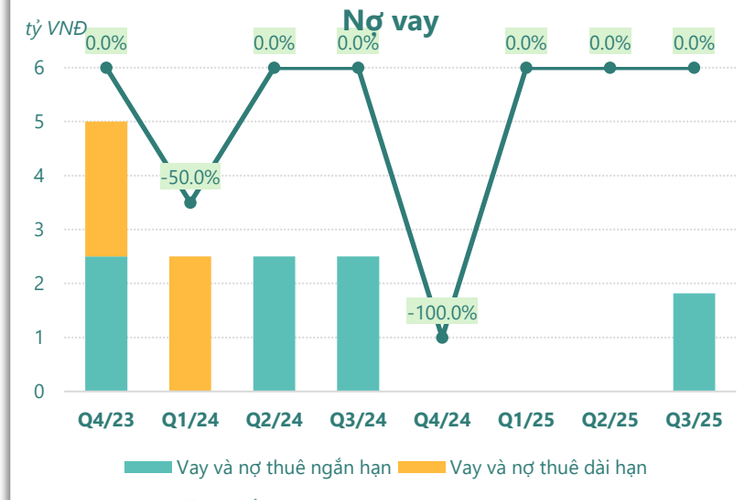
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

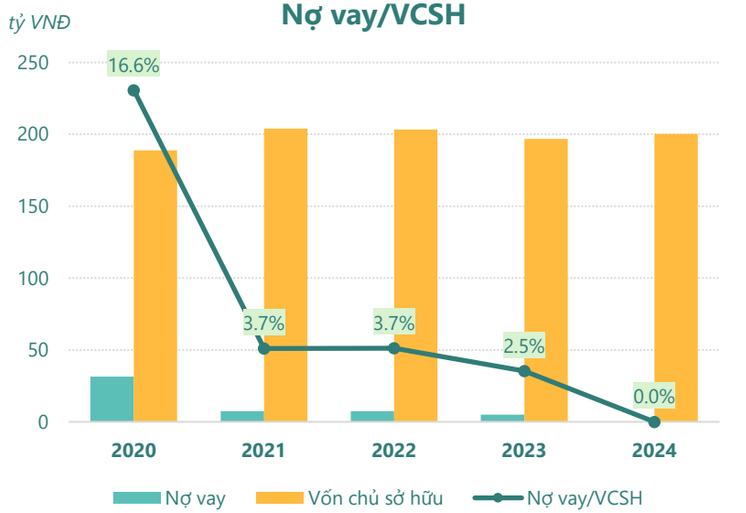
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

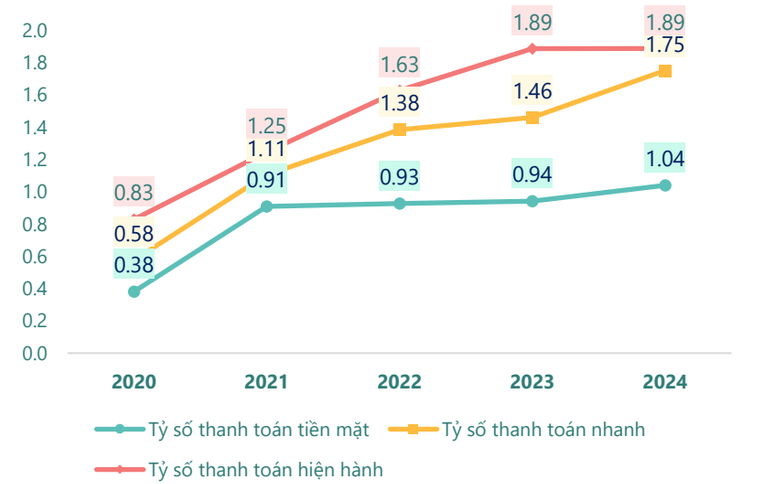
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



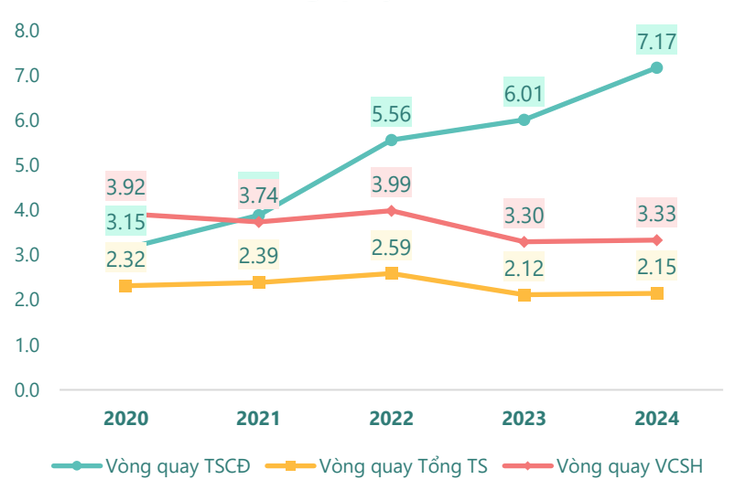
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



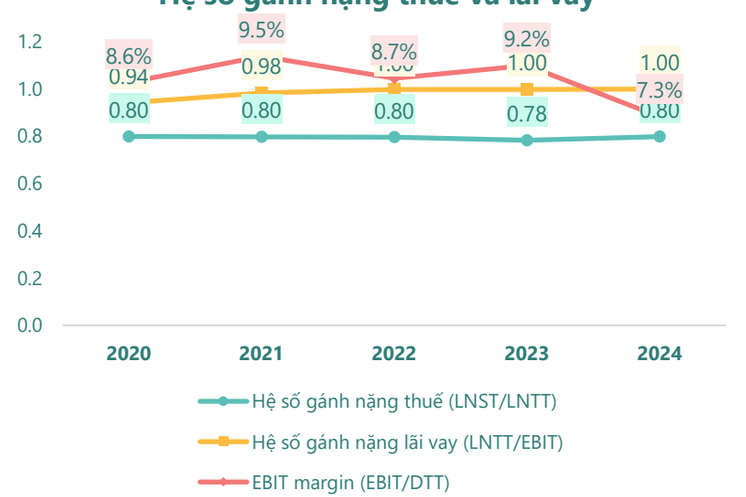
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



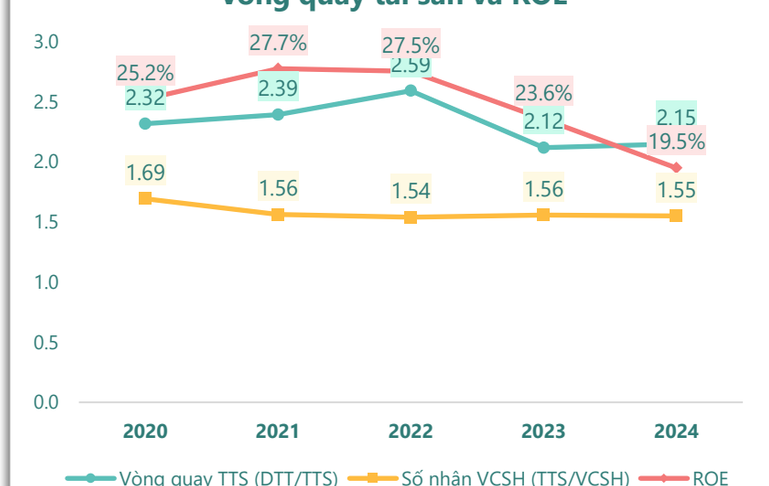
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



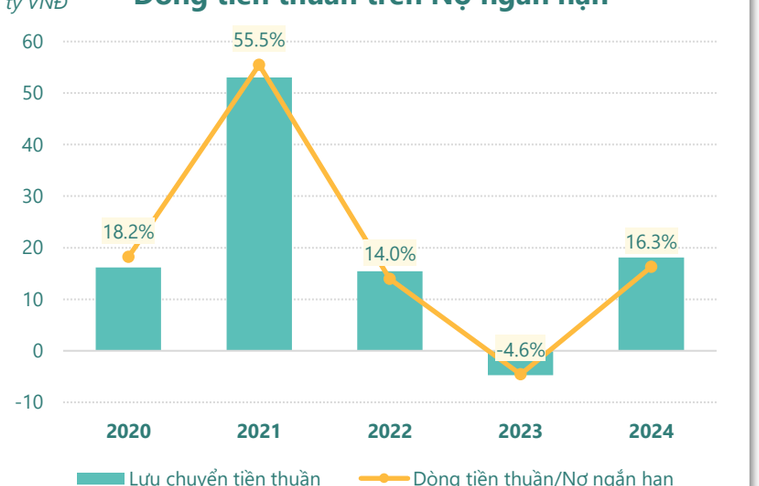
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**153**	**155**	**-1.2%**	**489**	**435**	**12.4%**
Giá vốn hàng bán	136	138	-1.2%	432	384	12.3%
Lợi nhuận gộp	16.8	17.8	-5.8%	57.5	51.0	12.8%
Doanh thu HĐTC	0.41	0.26	58.0%	3.55	2.04	74.3%
Chi phí TC	0	0.04	-100%	0	0.13	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.02	-100%	0	0.06	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.65	2.73	-39.5%	8.75	6.70	30.6%
Chi phí QLDN	**10.2**	**9.02**	**13.4%**	**26.6**	**24.4**	**9.1%**
LN thuần từ HĐKD	5.30	6.23	-14.8%	25.7	21.8	18.0%
Lợi nhuận khác	**0.02**	**0.08**	**-77.5%**	**-0.45**	**0.11**	**-527%**
LN trước thuế	5.32	6.31	-15.6%	25.2	21.9	15.3%
Lợi nhuận sau thuế	**4.25**	**5.04**	**-15.7%**	**20.1**	**17.5**	**15.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.25**	**5.04**	**-15.7%**	**20.1**	**17.5**	**15.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	38.3	53.2	28.7	-17.3	6.11	16.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.58	-18.4	-20.0	-0.80	-0.65	-21.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.9	0.00	-2.50	0	-27.8	0.61
Tiền đầu kỳ	63.9	74.7	110	116	97.6	75.3
Lưu chuyển tiền thuần	**10.8**	**34.8**	**6.20**	**-18.1**	**-22.3**	**-4.85**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	74.7	110	116	97.6	75.3	70.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**302**	**312**	**-3.3%**
Tài sản ngắn hạn	204	210	-3.0%
Tiền và tương đương tiền	70.4	116	-39.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	85.5	69.5	23.0%
Phải thu ngắn hạn	4.52	9.61	-53.0%
Hàng tồn kho	42.2	15.1	179%
Tài sản ngắn hạn khác	0.97	0.08	1151%
Tài sản dài hạn	**98.0**	**102**	**-4.0%**
Phải thu dài hạn	0.63	0.59	6.6%
Tài sản cố định	86.2	90.0	-4.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.26	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**10.9**	**11.5**	**-5.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	120	112	7.3%
Nợ ngắn hạn	**119**	**111**	**7.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.82	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	49.4	42.6	16.0%
Nợ dài hạn	0.63	0.59	6.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**182**	**200**	**-9.3%**
Vốn chủ sở hữu	**182**	**200**	**-9.3%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)